

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS-ST

Ngày 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Diễm Châu;
2. Bà Huỳnh Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngọc – Thư ký tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Châu Văn Lộc và ông Ngô Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Trần Ngọc B, sinh năm 2005; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 801/1, tổ E, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trần Thanh T-1971 (sống); Mẹ: Trần Thị Kim Y (chết); A, chị, em ruột: Có 05 người (Lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2023); Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Hồ Quốc A, sinh ngày: 05/8/2008; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: Số C, tổ H, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc

tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn Bé H1 (chết); Mẹ: Hồ Thị Mỹ T1-1986 (sống); A, chị, em ruột: Có 02 người (Lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012); Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Thảo Phúc T2, sinh ngày: 30/9/2008; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi thường trú: Số A, Tuyến N, khu dân cư Đ, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không xác định; Mẹ: Nguyễn Thị T3-1982 (sống); A, chị, em ruột: Không; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Cẩm H2, sinh ngày: 10/7/2008; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: Khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Duy K-1984 (sống); Mẹ: Trần Cẩm T4-1984 (sống); A, chị, em ruột: Có 01 người, sinh năm 2020; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5/ Nguyễn Phúc N, sinh ngày: 09/3/2008; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: Số F, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn C-1985 (sống); Mẹ: Huỳnh Thị H3-1985 (sống); A, chị, em ruột: Có 01 người sinh năm 2024; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6/ Nguyễn Hảo T5, sinh ngày: 15/12/2008; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: 7, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Đi ghe cào cá; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trương Hoàng V-1986 (sống); Mẹ: Nguyễn Thị M-1987 (sống); A, chị, em ruột: Có 01 người, sinh năm 2018; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

7/ Lê Thị Bích T6, sinh ngày: 09/6/2007; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: Khu dân cư Đ, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm

thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Tấn T7 (chết); Mẹ: Nguyễn Thị N1, không xác định năm sinh; A, chị, em ruột: Có 01 người sinh năm 2009; Chồng, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2024 đến ngày 20/5/2024 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Hồ Quốc A: Bà Hồ Thị Mỹ T1-1986 (mẹ của bị cáo)-có mặt.

Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thảo Phúc T2: Bà Nguyễn Thị T3-1982 (mẹ bị cáo) và bà Nguyễn Thị M1-1963 (bà ngoại của bị cáo). Bà T3 vắng mặt, bà M1 có mặt.

Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Cẩm H2: Ông Nguyễn Duy K-1984 và bà Trần Cẩm T4-1984 (cha mẹ bị cáo). Bà T4 vắng mặt, ông K có mặt.

Địa chỉ: Khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Phúc N: Bà Huỳnh Thị H3-1985 (mẹ bị cáo)-có mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hảo T5: Ông Trương Hoàng V-1986 (cha bị cáo)-có mặt.

Địa chỉ: Khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thị Bích T6: Ông Nguyễn Văn T8-Bí thư đoàn thanh niên xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ-vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc A và Nguyễn Cẩm H2: Bà Mai Trúc P-Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C-có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thảo Phúc T2 và Nguyễn Phúc N: Ông Lưu Ngọc S- Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C-có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hảo T5 và Lê Thị Bích T6: Ông Đặng Trúc P1- Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C-có mặt.

Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Văn H4-2000-có mặt.

Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2/ Em Lê Tuyên N2-sinh ngày 21/11/2008-yêu cầu vắng mặt.

Đại diện hợp phát cho em N2: Bà Lê Thị N3-1980 (mẹ của N2)-yêu cầu vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho em N2: Bà Phan Thị Ngọc T9- Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C-có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Tô Văn D-1974-vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

2/ Ông Lê Văn T10-1973-vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L-1982-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ông Huỳnh Văn T11-1978-vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

5/ Ông Đỗ Tuấn K1-1970-yêu cầu vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

6/ Ông Trần Thanh T-1971-vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1/ Em Nguyễn Thành P2-2003-vắng mặt.

2/ Em Ngô Văn P3-2006-vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3/ Ông Lê Văn Ý-1987-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

4/ Ông Đoàn Thanh H5-1993-vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn Thanh T12-1981

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

6/ Bà Trần Thị Phi P4-1994-có mặt.

Địa chỉ: 8, tổ E, Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/5/2024, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Cẩm H2, Hồ Quốc A, Nguyễn Phúc N, Nguyễn Hào T5 tập trung đến nhà của Lê Thị Bích T6 tại Khu dân cư Đ, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Tuyền đang sống chung với Trần Ngọc B), cả nhóm tổ chức nhậu đến 21 giờ 30 phút thì A rủ T2, H2, N, T5, B đi cướp tài sản thì cả nhóm đồng ý, T6 ngồi chung nghe bàn tính việc đi cướp nhưng không tham gia. T5 vào nhà T6 lấy một cây dao tự chế, B mang theo một con dao bấm. Khoảng 22 giờ cùng ngày N chở T5 đi trên xe Sirius màu đen đỏ của N (không rõ biển số); A chở B đi trên xe Wave màu trắng biển số 66P1-643.93 của B, H2 chở T2 đi trên xe Wave màu đỏ biển số 67K7-5869 của H2, đi từ thành phố L về Rạch G, tỉnh Kiên Giang. Khi đến đoạn đường quốc lộ 80 thuộc ấp Q, xã T, huyện V thì gặp anh Lê Tuyền N2 (sinh ngày 21/11/2008), điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 94B1-629.26 chạy từ phía sau vượt qua nhóm của T5. Lúc này N điều khiển xe chạy đuổi theo xe anh N2 và áp sát vào để T5 dùng dao tự chế chém 05-06 cái vào cánh tay trái, lưng và đầu của anh N2 nên N2 dừng xe lại. T5 dùng chân đạp xe của N2 ngã xuống đường còn B dùng tay đánh và chân đạp N2 ngã xuống sông C để cướp xe và các đồ vật trên xe, sau đó mang chiếc xe và tài sản trên xe vừa cướp được về nhà của T6. Đến ngày 13/5/2024 B tự định giá chiếc xe vừa cướp được là 2.000.000 đồng, phần của B là 350.000 đồng, còn A, T5, N, T2, H2 mỗi người nhận 330.000 đồng. Sau đó B điều khiển xe cướp được đem về nhà dì của B là bà Trần Thị Phi P4 ở cầu T thuộc phường M, thành phố L cất giấu. Đến ngày 17/5/2024 thì B, A, T5, N, T2, H2 bị Cơ quan điều tra bắt giữ và thu giữ tang vật là chiếc xe Sirius và các tài sản khác của anh N2.

Ngoài ra B, A, H2, T2 còn thực hiện thêm 01 vụ cướp tài sản tại xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/4/2024, T2, A, H2 đến nhà của B tại số H, tổ E, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang chơi, tại đây A rủ cả nhóm đi cướp tài sản, tất cả đồng ý. Lúc này, T2 lấy cây dao bấm đưa cho B, H2 cầm 01 cây dao bấm, T2 điều khiển xe gắn máy hiệu Cup màu trắng đỏ biển số 67AC-029.36

của B chở B, A điều khiển xe Wave màu đen biển số 67B1-837.24 chở H2, đi từ thành phố L về hướng Kiên Giang. Đến khoảng 03 giờ 20 phút ngày 29/4/2024 khi cả nhóm đi đến đoạn đường quốc lộ 80 thuộc ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện 03 thanh niên gồm Nguyễn Văn H4 điều khiển xe mô tô biển số 68M7-0817, Nguyễn Thành P2 điều khiển xe mô tô Vision, màu đỏ biển số 68C1-416.64 chở Ngô Văn P3 đang ngồi nói chuyện bên đường thì cả nhóm chạy qua mặt được một đoạn khoảng 150m thì A và H2 quay đầu xe lại rủ P3 và P2 đâm lộn nhưng không được nên A, H2 chạy xe đi về hướng Rạch S cùng B và T2. Lúc này H4, P2, P3 điều khiển xe qua mặt nhóm của A nên A đuổi theo kịp H4, A áp sát xe vào xe anh H4, H2 ngồi phía sau rút dao bấm ra đâm 02 cái vào cánh tay trái của H4 sau đó B chặn đầu xe của H4 lại. Do bị thương nên H4 dừng xe lại thì B bước xuống xe lấy 01 cây dao bấm ra và rượt H4 bỏ chạy về hướng cây xăng N4 gần đó, B lấy xe 68M7-0817 của H4 chạy về nhà T6 ở khu dân cư để cất giấu, lúc này T6 biết việc xe vừa đi cướp được, sau đó B mang xe đi nhờ tên Đ dưới dốc cầu T thuộc thành phố L bán xe được số tiền là 1.400.000 đồng. B chia cho Đ 200.000 đồng, chia cho T2, A mỗi người 400.000 đồng và dặn nói với H2 là xe bị Công an bắt giữ không bán được.

Ngoài ra B, H2, A, T2 còn khai đã thực hiện 01 vụ cướp tài sản trên địa bàn phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và 01 vụ trộm trên địa bàn xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L và huyện C thuộc tỉnh An Giang tiếp nhận và xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS, ngày 30/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: Giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh đen có giá 21.060.000 đồng; 01 quần jean nam mới mua giá 200.000 đồng; 02 quần jean nam đã qua sử dụng mua vào tháng 12/2023 giá 200.000 đồng; 01 quần thể dục dài đã qua sử dụng giá 25.000 đồng; 03 cái quần ngắn màu xanh và tím đã qua sử dụng 75.000 đồng; 05 cái áo thun tay ngắn đã qua sử dụng mua 2023 giá 10.000 đồng; 01 balô màu đen bông trắng đã qua sử dụng được 05 năm giá 75.000 đồng; 01 bao nilon màu xanh lá giá 10.000 đồng; 01 quạt gió hiệu senko đã qua sử dụng mua tháng 02/2024 giá 200.000 đồng; 01 cái mềm, 01 cái gối ôm, 01 cái gối nằm đã qua sử dụng mua 2024 giá 150.000 đồng. Tổng cộng là 22.005.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐGĐTS ngày 21/5/2024 của Hội đồng thẩm định giá tài sản của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang xác định: chiếc xe mô tô có nhãn hiệu RIVER màu xanh, số máy MH-A*100052*, số khung 20M7TB 10052 có giá trị là 3.833.333 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐGĐTS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang, xác định: 01 cục sạc điện thoại hiệu OPPO, 01 sợi dây điện màu xanh mà các bị cáo cướp được tại thời điểm định giá có giá trị là 0 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định thương tích số 326/KLTTCT-PY ngày 16/5/2024 của Trung tâm P6, tỉnh Kiên Giang kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H4 tại thời điểm giám định là 1%.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho mẹ ruột của bị hại Lê Tuyên N2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh đen, 01 biển số 94B - 629.26, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 94000369, 03 tấm nhựa bửng xe; trả lại cho anh N2 01 quần jean nam mới mua còn tem, 02 quần jean nam đã qua sử dụng, 01 quần thể dục dài đã qua sử dụng, 03 quần ngắn đã qua sử dụng, 05 áo thun ngắn tay đã qua sử dụng, 01 balô màu đen bông trắng đã qua sử dụng, 01 quạt gió để bàn đã qua sử dụng, 01 cái mềm, 01 cái gối, 01 cái gối ôm đã qua sử dụng, 01 cái mũ bảo hiểm. Anh N2 yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng, trong đó đã nhận tiền bồi thường điều trị thương tích 2.083.000 đồng do gia đình B, H2, T2, N, T5 bồi thường, riêng A chưa bồi thường.

Bị hại là anh Nguyễn Văn H4 yêu cầu bồi thường xe mô tô và chi phí điều trị thương tích tổng cộng là 5.130.860 đồng, đã nhận được 4.172.526 đồng của gia đình T2, B, H2 nộp khắc phục, riêng A chưa bồi thường. Anh H4 không yêu cầu xử lý các đối tượng về hành vi gây thương tích cho anh.

Chị Trần Thị Phi P4 không biết B gởi 02 mô tô xe liên quan đến các vụ cướp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị P4 là phù hợp. Đối với đối tượng tên Đ không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan điều tra không xác minh được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để làm rõ xử lý sau.

Đối với biển số xe 65F1 - 797.26 là tang vật trong vụ cướp ở phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Long Xuyên thụ lý theo thẩm quyền.

Đối với xe Sirius màu đen đỏ của N (không rõ biển số), gia đình N đã bán nên không thu hồi được. Riêng các vật chứng khác đang tạm giữ chờ xử lý.

Tại cáo trạng số 54/CT-VKSVT ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố các bị cáo Trần Ngọc B, Hồ Quốc A, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Cẩm H2, Nguyễn Phúc N và Nguyễn Hảo T5 về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, e, g khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Thị Bích T6 về tội “*Không tố giác tội phạm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung gì thêm, đồng thời đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc B, Hồ Quốc A, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Cẩm H2, Nguyễn Phúc N và Nguyễn Hảo T5 phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, e, g khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Thị Bích T6 phạm tội “*Không tố giác tội phạm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Căn cứ điểm d, e, g khoản 2, 6 Điều 168; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc B** từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Hồ Quốc A** từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo dưới 18 tuổi.

- Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thảo Phúc T2** từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo dưới 18 tuổi.

- Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Cẩm H2** từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo dưới 18 tuổi.

- Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc N** từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hảo T5** từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo dưới 18 tuổi.

- Căn cứ khoản 1 Điều 390; Điều 101; Điều 91; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Bích T6** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo dưới 18 tuổi.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Công nhận gia đình các bị cáo B, H2, T2, N, T5 đã bồi thường cho bị hại em Lê Tuyên N2 xong số tiền 2.083.000 đồng.

- Công nhận gia đình các bị cáo B, H2, T2 đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn H4 xong số tiền 4.172.526 đồng.

- Bị hại anh Nguyễn Văn H4 không yêu cầu gia đình bị cáo Hồ Quốc A phải bồi thường số tiền 416.667 đồng, bị hại em Lê Tuyên N2 (đại diện hợp pháp bà Lê Thị N3) không yêu cầu gia đình bị cáo Hồ Quốc A phải bồi thường số tiền 958.333 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- *Tịch thu tiêu hủy các vật chứng liên quan đến phạm tội gồm:*

+ 01 cây dao dạng lưỡi lê AK, cán ốp gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, chiều dài lưỡi 45cm.

+ 01 cây dao tự chế (loại dao cá mập), cán bằng kim loại, lưỡi bằng kim loại, màu đen, có một bề lưỡi sắc bén, mũi dao dạng bầu, thân và lưỡi dao dài 57cm.

+ 01 cây dao tự chế, cán bằng nhựa đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, một bề lưỡi sắc bén, mũi dao dạng bầu dài 45cm.

+ 01 cây dao làm bếp, cán nhựa đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng.

+ 01 cây dao phóng lợn đã gãy lưỡi, cán bằng kim loại, dài 1,45m, lưỡi bằng kim loại dạng nhọn dài 19cm.

+ 01 dao bấm đựng trong túi vải đen.

+ 01 bao tay cao su xe mô tô màu đen.

+ 01 cục sạc hiệu OPPO màu trắng.

+ 01 sợi dây điện màu xanh.

+ 01 cây dao bấm.

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các vật chứng liên quan đến phạm tội gồm:*

+ 01 xe mô tô hiệu Wave, màu trắng, BKS: 66P1-643.93, số máy: VDP1P52FMH660368, tình trạng đã qua sử dụng của bị cáo B.

+ 01 xe mô tô hiệu Cub, màu đỏ, BKS: 67AC-029.36, số máy: VDEJQ139FMB026650 của bị cáo B.

+ 01 xe mô tô BKS: 67B1-837.24 của bị cáo A.

- *Trả lại các vật chứng sau do không liên quan đến phạm tội:*

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354840097773452, tình trạng đã qua sử dụng và số tiền 220.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thảo Phúc T2.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354846093980587, tình trạng đã qua sử dụng và số tiền 1.280.000 đồng cho bị cáo Trần Ngọc B.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số IMEI: 353333075632628, tình trạng đã qua sử dụng cho bị cáo Hồ Quốc A.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Duy K (cha của bị cáo H2) 01 xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, BKS: 67K7-5869, số máy: VTLZS152FMH00017436, tình trạng đã qua sử

dụng.

+ Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho mẹ ruột của bị hại em Lê Tuyền N2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh đen, 01 biển số 94B - 629.26, 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô số 94000369, 03 tấm nhựa bửng xe; trả lại cho em Lê Tuyền N2: 01 quần jean nam mới mua còn tem, 02 quần jean nam đã qua sử dụng, 01 quần thể dục dài đã qua sử dụng, 03 quần ngắn đã qua sử dụng, 05 áo thun ngắn tay đã qua sử dụng, 01 balô màu đen bông trắng đã qua sử dụng, 01 quạt gió để bàn đã qua sử dụng, 01 cái mềm, 01 cái gối, 01 cái gối ôm đã qua sử dụng, 01 cái mũ bảo hiểm.

- Đối với biển số xe 65F1 - 797.26 là tang vật trong vụ cướp ở phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, giao cơ quan điều tra để chuyển cho Công an tỉnh A điều tra theo thẩm quyền.

* Các vấn đề khác:

- Chị Trần Thị Phi P4 không biết bị cáo Bảo gởi 02 mô tô xe liên quan đến các vụ cướp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị P4 là phù hợp. Đối với đối tượng tên Đ không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan điều tra không xác minh được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để làm rõ xử lý sau.

- Đối với xe Sirius màu đen đỏ của N (không rõ biển số), gia đình N đã bán nên không thu hồi được. Riêng các vật chứng khác đang tạm giữ chờ xử lý.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc A và Nguyễn Cẩm H2 thống nhất với điều luật mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo mức thấp nhất trong khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thảo Phúc T2 và Nguyễn Phúc N thống nhất với điều luật mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho các bị cáo là quá nghiêm khắc. Trợ giúp viên pháp lý phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo N 04 năm tù, bị cáo T2 03 năm 06 tháng tù.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hảo T5 và Lê Thị Bích T6 thống nhất với điều luật mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Thiên mức thấp nhất trong khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, đề nghị xem xét xử phạt bị cáo

T6 từ 01 năm đến 02 năm tù cho hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đối với người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, trường hợp cần thiết sẽ công bố lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, đối chất tại phiên tòa, có cơ sở xác định lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận:

Ngày 12/5/2024, các bị cáo Trần Ngọc B, Hồ Quốc A, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Phúc N, Nguyễn Cẩm H2, Nguyễn Hào T5 đã có hành vi rủ rê nhau cùng đi cướp tài sản, các bị cáo đã dùng dao sắc bén là hung khí nguy hiểm đâm, đánh bị hại là em Lê Tuyên N2 (chưa đủ 16 tuổi) để cướp xe mô tô và các tài sản khác có tổng giá trị là 22.005.000 đồng. Ngoài ra, ngày 28/4/2024 các bị cáo B, A, T2, H2 còn dùng dao tấn công gây thương tích để cướp xe mô tô của anh Nguyễn Văn H4 có giá trị là 3.833.333 đồng. Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d, e, g khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Thị Bích T6 biết các bị cáo Trần Ngọc B, Hồ Quốc A, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Cẩm H2, Nguyễn Phúc N và Nguyễn Hào T5 bàn bạc đi cướp tài sản nhiều lần nhưng vẫn không tố giác dẫn đến xảy ra nhiều vụ cướp tài sản. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tư pháp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm, đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Việc đưa ra truy tố và xét xử các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, háms lợi, xem thường pháp luật mà các bị cáo đã sử dụng hung khí, thủ đoạn nguy hiểm cố ý thực hiện cho được hành vi phạm tội. Hành vi không tố giác tội phạm của bị cáo T6 trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tư pháp. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Về vai trò trong vụ cướp tài sản: Trong vụ án có 05 bị cáo là đồng phạm, cùng thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản thuộc trường hợp phạm tội giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cho nhau, vai trò của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau.

Đối với bị cáo Trần Ngọc B khi thực hiện hành vi phạm tội là người trên 18 tuổi, có đủ khả năng nhận thức và đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Khi được bị cáo khác rủ rê cướp tài sản, lẽ ra bị cáo phải khuyên bảo, ngăn cản các bị cáo khác, đằng này bị cáo còn thực hiện hành vi cướp tài sản với vai trò chính trong vụ án, rất táo bạo và liều lĩnh, dùng dao sắc nhọn đâm bị hại. Sau khi cướp tài sản xong bị cáo còn bán và tiêu thụ tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ 02

lần trở lên. Nên mức hình phạt dành cho bị cáo phải cao hơn mức hình phạt so với các bị cáo khác.

Đối với bị cáo N khi thực hiện hành vi phạm tội là người trên 16 tuổi. Bị cáo biết rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, là người điều khiển xe chở các bị cáo khác, thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của bị cáo B. Do bị cáo khi phạm tội là người trên 16 tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt dành cho bị cáo tương xứng và cao hơn các bị cáo dưới 16 tuổi.

Đối với bị cáo Hồ Quốc A, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Cẩm H2 và Nguyễn Hảo T5 khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 16 tuổi, các bị cáo biết rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo A với vai trò là người rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, điều khiển xe chở các bị cáo khác, áp sát vào bị hại. Bị cáo T5, bị cáo H2 là người trực tiếp dùng dao đâm, chém vào người bị hại. Bị cáo T2 là người điều khiển xe chở các bị cáo khác, quan sát và canh đường, nếu có chuyện gì sẽ thông báo cho các bị cáo khác bỏ chạy. Bị cáo A, T2, H2 thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên. Về nhân thân của bị cáo A và bị cáo T2 chưa tốt, ngày 17/3/2023 các bị cáo bị Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản, nay các bị cáo lại tiếp tục phạm tội cướp tài sản, điều này cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật, ý thức sửa đổi bản thân là rất kém. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Do các bị cáo khi phạm tội là người dưới 16 tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo N, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo T6 khi thực hiện hành vi phạm tội là người trên 16 tuổi. Bị cáo biết việc không tổ giác hành vi phạm tội của các bị cáo khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phạm tội trong trường hợp từ 02 lần trở lên. Bị cáo là người trên 16 tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt dành cho bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo B, A, T2, H2, N, T5 phạm tội có tính chất côn đồ. Bị cáo B, T2,

H2 và A còn thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên nên các bị cáo B, A, T2, H2 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm d, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo T5 và N phạm tội có tính chất côn đồ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T6 phạm tội từ 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo B, T2, H2, T5 và N quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong, các bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo N, T2, H2, T5 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; bị cáo H2 và bị cáo N có người thân tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, các bị hại không yêu cầu bồi thường tiền và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T6 thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, trình độ học vấn thấp (lớp 01) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo như nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Theo như nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo A, T2, H2, N, T5 và T6 được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét trợ giúp viên pháp lý đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Hồ Quốc A, Nguyễn Cẩm H2 và Nguyễn Hào T5 là phù hợp.

Xét trợ giúp viên pháp lý đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Phúc N và Lê Thị Bích T6 là chưa phù hợp.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo N mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc B, Hồ Quốc A, Nguyễn Thảo Phúc T2, Nguyễn Cẩm H2, Nguyễn Phúc N và Nguyễn Hảo T5 phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, e, g khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Thị Bích T6 phạm tội “*Không tố giác tội phạm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Căn cứ điểm d, e, g khoản 2, 6 Điều 168; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc B** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Hồ Quốc A** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thảo Phúc T2** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự

năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Cẩm H2** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc N** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

6. Căn cứ điểm d, e, g khoản 2 Điều 168; Điều 101; Điều 91; Điều 58; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hảo T5** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 390; Điều 101; Điều 91; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Bích T6** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2024 đến ngày 20/5/2024.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

8. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- *Tịch thu tiêu hủy các vật chứng liên quan đến phạm tội gồm:*

+ 01 cây dao dạng lưỡi lê AK, cán ốp gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, chiều dài lưỡi 45cm.

+ 01 cây dao tự chế (loại dao cá mập), cán bằng kim loại, lưỡi bằng kim loại, màu đen, có một bề lưỡi sắc bén, mũi dao dạng bầu, thân và lưỡi dao dài 57cm.

+ 01 cây dao tự chế, cán bằng nhựa đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, một bề lưỡi sắc bén, mũi dao dạng bầu dài 45cm.

+ 01 cây dao làm bếp, cán nhựa đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng.

+ 01 cây dao phóng lợn đã gãy lưỡi, cán bằng kim loại, dài 1,45m, lưỡi bằng kim loại dạng nhọn dài 19cm.

+ 01 dao bấm đựng trong túi vải đen.

+ 01 bao tay cao su xe mô tô màu đen.

+ 01 cục sạc hiệu OPPO màu trắng.

+ 01 sợi dây điện màu xanh.

+ 01 cây dao bấm.

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các vật chứng liên quan đến phạm tội gồm:*

+ 01 xe mô tô hiệu Wave, màu trắng, BKS: 66P1-643.93, số máy: VDP1P52FMH660368, tình trạng đã qua sử dụng của bị cáo B.

+ 01 xe mô tô hiệu Cub, màu đỏ, BKS: 67AC-029.36, số máy: VDEJQ139FMB026650 của bị cáo B.

+ 01 xe mô tô BKS: 67B1-837.24 của bị cáo A.

- *Trả lại các vật chứng sau do không liên quan đến phạm tội:*

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354840097773452, tình trạng đã qua sử dụng và số tiền 220.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*) cho bị cáo Nguyễn Thảo Phúc T2.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354846093980587, tình trạng đã qua sử dụng và số tiền 1.280.000 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*) cho bị cáo Trần Ngọc B.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số IMEI: 353333075632628, tình trạng đã qua sử dụng cho bị cáo Hồ Quốc A.

+ 01 xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, BKS: 67K7-5869, số máy: VTLZS152FMH00017436, tình trạng đã qua sử dụng cho ông Nguyễn Duy K (cha của bị cáo H2).

- Đối với biển số xe 65F1 - 797.26 là tang vật trong vụ cướp ở phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, giao cơ quan điều tra để chuyển cho Công an tỉnh A điều tra theo thẩm quyền.

(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số 41/QĐ-VKSVT ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).

9. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Trần Ngọc B phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo A, T2, H2, N, T5 và T6.

10. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối bị hại và đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Sáu

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Sáu